

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỚI LAI,
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 257/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 29/9/2020

*Về việc “tranh chấp ly hôn
và nuôi con chung”*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI LAI, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Mẫn.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phan Tấn Lạc.

2. Ông Lý Hồng Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ.

Ngày 29 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Lai tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 131/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2020 về việc “tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 299/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1990 “Có mặt”.

Địa chỉ: Ấp T, xã X, huyện T, thành phố C.

Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh Tr, sinh năm 1983 “Vắng mặt”.

Địa chỉ: Ấp T, xã X, huyện T, thành phố C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, bà H trình bày vào năm 2012 ông bà quen biết nhau, tìm hiểu và được gia đình tổ chức lễ cưới, hỏi nhưng không đăng ký kết hôn. Sau khi cưới hỏi vợ chồng chung sống có con chung Nguyễn Quốc A (Nam), sinh ngày 01/11/2013. Vào khoảng tháng 10/2019 phát sinh mâu thuẫn do ông Tr thường xuyên đi nhậu, không chí thú làm ăn để lo cho gia đình, con cái mà thường xuyên đi bỏ nhà đi đá gà, đánh cờ bạc. Sự việc trên cứ lặp đi lặp lại mà không có cách nào khác để ông thay đổi mặc dù bà đã bày tỏ mong

muốn với hy vọng hàn gắn hạnh phúc gia đình. Ông bà sống ly thân cuối năm 2019 đến nay, thời gian này mỗi người sinh sống một nơi, bà thì đi làm công nhân và nuôi con. Thấy rằng tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu chấm dứt mối quan hệ hôn nhân với ông Tr, tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng. Tài sản chung, nợ chung không có, không yêu cầu xem xét.

Ông Tr vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án nên không ghi nhận được lời khai, lời trình bày của ông đối với yêu cầu khởi kiện của bà H.

Tại phiên tòa, bà H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, ông Tr vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các văn bản, tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà H ông Tr cư trú tại huyện T tranh chấp về việc ly hôn, nuôi con chung, vụ án được Tòa án thụ lý giải quyết theo thẩm quyền về việc “tranh chấp về việc ly hôn, nuôi con chung” theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Ông Tr được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vẫn tiến hành xét vắng mặt đối với ông.

[3] Xét mối quan hệ hôn nhân: Ông bà tự quen biết, tìm hiểu và tiến tới hôn nhân có tổ chức cưới hỏi vào năm 2012 nhưng sau thời gian về chung sống ông bà không đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình 2000. Theo quy định tại Khoản 1 Điều 11, Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình 2000, điểm c Khoản 3 Nghị quyết của Quốc Hội số 35/2000/QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 về thi hành Luật Hôn nhân và gia đình, hướng dẫn tại điểm c Điều 2 Nghị quyết số 02/2000/NQ-HĐTP ngày 23/12/2000 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 và Mục 3 Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03 tháng 01 năm 2001 của Toà án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc Hội “về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình 2000” thì khi xác lập quan hệ hôn nhân ông bà phải đi đăng ký kết hôn tại cơ quan đăng ký kết hôn có thẩm quyền nhưng ông bà không thực hiện mà chỉ tổ chức kết hôn theo nghi thức truyền thống (tổ chức đám hỏi, đám cưới, đám gả...) nên, khi ông bà có tranh chấp thì Tòa án thụ lý giải quyết và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng đối với ông bà.

[4] Xét yêu cầu ly hôn, nuôi con chung: Mặc dù mâu thuẫn kéo dài dẫn đến sống ly thân nhưng trong thời gian này ông bà không thể hiện mong muốn hàn

gắn chứng tỏ ông bà không còn thiết tha duy trì mối quan hệ vợ chồng và thực tế cũng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau nên việc để tiếp tục duy trì tình trạng này sẽ làm tình trạng hiện tại trở nên trầm trọng hơn. Do đó yêu cầu ly hôn, chấm dứt quan hệ vợ chồng của bà H là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình 2014. Bà H có yêu cầu nuôi cháu Anh, qua ghi nhận nguyện vọng cháu mong muốn chung sống với bà nên yêu cầu của bà là phù hợp và có căn cứ theo quy định tại Khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình 2014. Ghi nhận bà H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Tuy không trực tiếp nuôi dưỡng con chung nhưng theo quy định tại Điều 58 của Luật Hôn nhân và Gia đình 2014 ông Tr vẫn có quyền, nghĩa vụ thăm nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được quyền ngăn cản

[5] Ghi nhận lời trình bày về việc ông bà không có tài sản chung, không có nợ chung. Trường hợp sau này có phát sinh tranh chấp sẽ được giải quyết thành vụ kiện khác.

[6] Bà H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 điểm, a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Khoản 1 Điều 11, Điều 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình 2000;

Điều 56, Điều 58, Khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình 2014;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện Bà Nguyễn Thị H.

Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa Bà Nguyễn Thị H với Ông Nguyễn Thanh Tr.

Về con: Giao Bà Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Quốc A (Nam), sinh ngày 01/11/2013 cho đến khi đủ 18 tuổi. Ghi nhận bà H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Ông Tr có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

Về tài sản, nợ: Ghi nhận lời trình bày của bà về việc ông bà không có tài sản, không có nợ. Trường hợp phát sinh tranh chấp được giải quyết thành vụ kiện khác.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án

phí, lệ phí Tòa án số: AA/2019/015641 ngày 01 tháng 6 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ. Bà không phải nộp thêm.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Cần Thơ;
- VKSND thành phố Cần Thơ;
- VKSND huyện Thới Lai;
- CCTHADS huyện Thới Lai;
- Các đương sự;
- Lưu: TK. Tưởng, hồ sơ vụ án (TC: 10).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Minh Mẫn